

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 116/2024/DS-ST

Ngày 13 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Thái và bà Dương Triết Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Quang Trục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Thanh T** (tên gọi khác: **Mợ T1**), sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

- Ông **Trần Huỳnh T2**, sinh năm 1980;

- Bà **Lâm Thị Ngọc T3**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt; ông T2, bà T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Thanh T trình bày:***

Bà và vợ chồng ông Trần Huỳnh T2 và bà Lâm Thị Ngọc T3 có quan hệ bà con quen biết nhau nên vào ngày 15-4-2021 bà có cho ông T2, bà T3 vay số tiền là 150.000.000 đồng và số vàng gồm có: 01 lượng vàng 9999 thị trường, loại vàng 24 kra và 02 lượng vàng 18 kra thị trường, loại vàng 610, có làm biên nhận. Theo biên nhận, hai bên không thỏa lãi suất, thỏa thuận thời hạn vay là tạm thời và hẹn bán đất sẽ trả lại tiền, vàng nêu trên cho bà; đến nay ông T2, bà T3 vẫn không trả số nợ trên cho bà. Bà nhiều lần yêu cầu trả số tiền, vàng còn nợ nhưng ông T2, bà T3 không thực hiện mà cố tình trốn tránh.

Bà T xác định biên nhận ngày 15-4-2021 do bà viết và ông T2 ký ghi họ tên, bà T3 là người trực tiếp hỏi bà về việc vay số tiền, vàng trên; bà đồng ý nên bà T3 kêu ông T2 đến gặp bà để nhận tiền, vàng; mục đích vay tiền của ông T2, bà T3 là để giải quyết công việc nhà, xoay sở trong gia đình.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T2, bà T3 liên đới trả cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và số vàng gồm có 01 lượng vàng 9999 (loại 24 kra và 02 lượng vàng loại 18 kra (loại 610)). Bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay 150.000.000 đồng, kể từ ngày 15-4-2021 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 13-9-2024 (bà yêu cầu làm tròn là 40 tháng); đối với số vàng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ bà T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 15-4-2021.

**** Đối với bị đơn ông Trần Huỳnh T2 và bà Lâm Thị Ngọc T3:***

Trong quá trình tố tụng ông T2, bà T3 vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời triệu tập ông T2, bà T3 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông T2, bà T3 vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:***

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông T2, bà T3 liên đới trả số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng và số vàng gồm có 01 lượng vàng 4 số 9999 thị trường (loại 24kra), 02 lượng vàng 18 kra thị trường (loại 610) và trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15-4-2021 đến ngày 13-9-2024 (làm tròn thành 40 tháng theo yêu cầu của bà T) đối với số tiền vay gốc 150.000.000 đồng; buộc ông T2, bà T3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền, vàng vay còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà T khởi kiện yêu cầu ông T2, bà T3 liên đới trả cho bà số tiền gốc là 150.000.000 đồng và số vàng gồm có 01 lượng vàng 4 số 9999 thị trường (loại 24kra), 02 lượng vàng 18 kra thị trường (loại 610). Chứng cứ bà T cung cấp là bản chính biên nhận ngày 15-4-2021 và bản sao trích lục kết hôn số: 16/TLKH-BS ngày 09-7-2024. Xét thấy, ông T2, bà T3 là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N từ ngày 16-02-2004 đến thời điểm vay tiền, vàng thì ông bà vẫn còn là vợ chồng và việc

vay tiền của ông T2 nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà T3 phải chịu trách nhiệm liên đới với ông T2 đối với khoản vay tiền, vàng nêu trên của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi vay, bà T nhiều lần yêu cầu nhưng ông T2, bà T3 cố tình trốn tránh nghĩa vụ, đến nay vẫn không trả số tiền, vàng đã vay cho bà T; điều này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng đối với số tiền vay 150.000.000 đồng kể từ ngày vay tiền 15-4-2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án (ngày 13-9-2024), bà yêu cầu làm tròn là 40 tháng; tức là: 150.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 40 tháng, thành tiền là 49.800.000 đồng. Đối với yêu cầu này của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với ông T2, bà T3 là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông bà, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông T2, bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền vay gốc và lãi là 199.800.000 đồng, 01 lượng vàng 4 số 9999 thị trường, loại 24 kra (tương đương giá trị tính tại thời điểm xét xử ngày 13-9-2024 là 7.760.000 đồng/chỉ, thành tiền 77.600.000 đồng/lượng), 02 lượng vàng 18 kra thị trường, loại vàng 610 (tương đương giá trị tính tại thời điểm xét xử ngày 13-9-2024 là 4.960.000 đồng/chỉ, thành tiền 99.200.000 đồng). Tổng cộng thành tiền là 376.600.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh T (tên gọi khác: Mợ T1).

1. Buộc ông Trần Huỳnh T2, bà Lâm Thị Ngọc T3 liên đới trả cho bà Dương Thị Thanh T 01 (*một*) lượng vàng 4 số 9999 thị trường, loại vàng 24kra; 02 (*hai*) lượng vàng 18 kra thị trường, loại vàng 610 và số tiền 199.800.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*); trong đó, số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi của số tiền vay tính đến ngày 13-9-2024 làm tròn 40 tháng là 49.800.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền, vàng ông T2, bà T3 phải trả cho bà T) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, vàng; hàng tháng ông T2, bà T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Huỳnh T2, bà Lâm Thị Ngọc T3 phải chịu số tiền 18.830.000 đồng (*Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Dương Thị Thanh T số tiền 7.850.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013963 ngày 13-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Huỳnh T2, bà Lâm Thị

Ngọc T3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi